

UNIT 3:**TEENAGERS****GETTING STARTED****I/ NEW WORDS:**

1.forum	(n): diễn đàn
2.midterm test	(n): bài kiểm tra giữa kì
3. stress	(n): sự căng thẳng
4. stressful /'stres.fəl/	(adj): căng thẳng, tạo áp lực
5.stay calm	(v): bình tĩnh
6.pressure /'pres.ər/	(n): áp lực
7.user-friendly	(adj): thân thiện với người dùng
8. craft /kra:ft/	(n): đồ thủ công, nghề thủ công
9. provide /prə'vaɪd/	(v): cung cấp, cung ứng
10.suit /su:t/ /sju:t/	(v): hợp với, thích hợp với
11.competition /,kəm.pə'tɪʃ.ən/	(n): cuộc thi đấu
12.mention /'men.ʃən/	(v): đề cập
13.face /feɪs/	(v): đương đầu , đối mặt
14.coach /kəʊtʃ/	(n): huấn luyện viên
15.session /'seʃ.ən/	(n): tiết học
16.social media	(n): phương tiện truyền thông

